

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4578 /UBND-KSTT
V/v kiến nghị đơn giản hóa, cắt
giảm thủ tục hành chính cấp tỉnh
thuộc lĩnh vực “Thành lập và
hoạt động của doanh nghiệp”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 04 tháng 07 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện Công điện số 470/CD-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Công văn số 493/TTg-KSTT ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 3681/UBND-KSTT ngày 07 tháng 6 năm 2023 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tích cực triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cụ thể nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ xem xét vấn đề cụ thể sau đây:

Qua rà soát thủ tục hành chính trên lĩnh vực “Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp” thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được công khai trên “Cổng Dịch vụ công quốc gia”, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhận thấy có **48** thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ bản tương đồng nội dung về (i) thời gian giải quyết và (ii) quy trình xử lý hồ sơ. Ngoài ra, **48** thủ tục hành chính này chỉ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập tương ứng với **07** quy trình điện tử để phục vụ cho công tác tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” (*cụ thể tại Phụ lục kèm theo Công văn này*).

Việc Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập **một quy trình điện tử để giải quyết đồng thời cho nhiều thủ tục hành chính khác nhau** như nêu trên là nguyên nhân của tình trạng thông tin, dữ liệu về kết quả giải quyết hồ sơ trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư **không thể** đồng bộ chính xác với dữ liệu thủ tục hành chính trên “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh” (được tích hợp, đồng bộ và kết xuất dữ liệu từ “Cổng Dịch vụ công quốc gia”). Điều này dẫn đến địa phương **không có** thông tin về tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và đầu tư để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành; đồng thời, kết quả đánh giá “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp” đối với tỉnh Bình Định trên

Công Dịch vụ công quốc gia phản ánh **thiếu chính xác** so với thực tế kết quả thực hiện của địa phương.

Từ những vấn đề nêu trên, để giảm bớt số lượng thủ tục hành chính hiện hành, góp phần đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên lĩnh vực Đầu tư theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; từ đó tạo điều kiện giúp người dân, doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc tra cứu, tìm hiểu thông tin để nộp hồ sơ thủ tục hành chính, đồng thời phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý, điều hành ở địa phương; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ xem xét, cắt giảm theo hướng nhóm gộp **48** thủ tục hành chính nêu trên thành **07** thủ tục hành chính tương ứng với **07** quy trình điện tử hiện đang được thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ xem xét theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NV, KHĐT, CT;
- Ban Quản lý KKT tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- TT THCB, TT PVHCC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT^(T).

[Signature]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục

Thống kê “07 quy trình điện tử” được thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” để giải quyết “48 thủ tục hành chính” được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố, công khai trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính”
(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-KSTT ngày tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT		Tên quy trình điện tử thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính tương ứng được công bố, công khai trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính”	
			Tên thủ tục hành chính	Mã số
1.	1	Thành lập mới doanh nghiệp/đơn vị trực thuộc	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2.001610.000.00.00.H08
2.			Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	2.001583.000.00.00.H08
3.			Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	2.001199.000.00.00.H08
4.			Đăng ký thành lập công ty cổ phần	2.002043.000.00.00.H08
5.			Đăng ký thành lập công ty hợp danh	2.002042.000.00.00.H08
6.			Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002069.000.00.00.H08
7.			Thông báo lập địa điểm kinh doanh	2.002072.000.00.00.H08
8.			Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	2.002085.000.00.00.H08
9.			Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	2.002083.000.00.00.H08
10.			Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002059.000.00.00.H08
11.			Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.010031.000.00.00.H08

STT		Tên quy trình điện tử thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính tương ứng được công bố, công khai trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính”	
			Tên thủ tục hành chính	Mã số
12.	2	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/đơn vị trực thuộc	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002041.000.00.00.H08
13.			Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1.005169.000.00.00.H08
14.			Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	2.002011.000.00.00.H08
15.			Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002010.000.00.00.H08
16.			Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002009.000.00.00.H08
17.			Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002008.000.00.00.H08
18.			Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.005114.000.00.00.H08
19.			Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	2.002000.000.00.00.H08
20.			Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002045.000.00.00.H08
21.			Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận	1.005176.000.00.00.H08

STT	Tên quy trình điện tử thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính tương ứng được công bố, công khai trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính”	
		Tên thủ tục hành chính	Mã số
		đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	
22.		Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	2.002031.000.00.00.H08
23.		Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuê sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	2.002017.000.00.00.H08
24.		Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	2.002015.000.00.00.H08
25.		Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	2.002016.000.00.00.H08
26.		Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	1.010030.000.00.00.H08

STT	Tên quy trình điện tử thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính tương ứng được công bố, công khai trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính”	
		Tên thủ tục hành chính	Mã số
		(đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	
27.		Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	2.002075.000.00.00.H08
28.		Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2.001993.000.00.00.H08
29.		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	2.002057.000.00.00.H08
30.		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002060.000.00.00.H08
31.		Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	1.010023.000.00.00.H08

STT		Tên quy trình điện tử thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính tương ứng được công bố, công khai trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính”	
			Tên thủ tục hành chính	Mã số
32.			Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1.010010.000.00.00.H08
33.	3	Thông báo thay đổi doanh nghiệp/đơn vị trực thuộc	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.001996.000.00.00.H08
34.			Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	2.002044.000.00.00.H08
35.			Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	2.001992.000.00.00.H08
36.			Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	2.001954.000.00.00.H08
37.			Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002070.000.00.00.H08
38.			Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	1.010026.000.00.00.H08
39.			Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	1.010029.000.00.00.H08
40.	4	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	2.002018.000.00.00.H08

STT		Tên quy trình điện tử thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính tương ứng được công bố, công khai trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính”	
			Tên thủ tục hành chính	Mã số
41.	5	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	2.002034.000.00.00.H08
42.			Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002033.000.00.00.H08
43.			Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002032.000.00.00.H08
44.			Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.010027.000.00.00.H08
45.	6	Tạm ngừng kinh doanh	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	2.002029.000.00.00.H08
46.	7	Giải thể, phá sản, xóa tên doanh nghiệp	Giải thể doanh nghiệp	2.002023.000.00.00.H08
47.			Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	2.002022.000.00.00.H08
48.			Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002020.000.00.00.H08